

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUY XUYÊN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/3/2019.

V/v Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM.**

**- A phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Đình Lục.

2. Ông Trịnh Sơn Hải.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “ Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Kiều Văn A, sinh năm 1967, địa chỉ: thôn An Lương, xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968, địa chỉ: thôn An Lương, xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện lập ngày 21/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Kiều Văn A trình bày:*

Ông Kiều Văn A và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ ngày 05/4/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Trong thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế trong gia đình. Đồng thời bà B sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng ông và gia đình nên vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm sống,

không hợp nhau. Ông đã nộp đơn ly hôn vào năm 2006 với mong muốn bà B nhận thấy được những sai trái để vợ chồng tiếp tục chung sống

nhưng không được. Cuộc sống của vợ chồng không thật sự hạnh phúc. Ông A thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà B.

Vợ chồng có 02 con chung tên Kiều Văn H, sinh năm 1988 và Kiều Văn C, sinh năm 1992. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông A không yêu cầu giải quyết;

Về nghĩa vụ chung: không có.

*Tại văn bản trả lời ý kiến lập ngày 18/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà Á thừa nhận bà và ông Kiều Văn A chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông A sống không có trách nhiệm với gia đình, mọi việc trong nhà đều do bà B đảm nhận nhưng do sức khỏe bà yếu nên không thể lo chu toàn nên vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vì vậy bà B đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con chung như ý kiến của ông A khai là đúng. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu giải quyết;

Về nghĩa vụ chung: không có.

*Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:*

- Đơn ly hôn và bản khai
- Bản sao giấy khai sinh của Kiều Văn H và Kiều Văn Công.
- Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng.
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân.
- Bản sao sổ hộ khẩu.
- Văn bản trả lời ý kiến của bà B.

Theo đơn đề nghị xác nhận của ông Kiều Văn A ngày 03/12/2018 và UBND xã Duy Hải xác nhận vào ngày 04/12/2018 về tình trạng hôn nhân của ông A và bà B và lời khai các bên đều thống nhất nhau là ông A và bà B chung sống với nhau từ năm tháng 4/1987 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà đã có hai con chung là Kiều Văn H và Kiều Văn C.

Giữa ông A và bà B tồn tại mối quan hệ chung sống như vợ chồng nhưng thời gian vài năm trở lại đây đã mâu thuẫn phát sinh đến mức trầm trọng, không thể tiếp

tục chung sống với nhau nên thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Các con chung của ông bà đã đủ tuổi trưởng A nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Ông A và bà B không có ý kiến gì khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hôn nhân: Ngày 05/4/1987 ông A và bà B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, từ đó đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông bà xét thấy mâu thuẫn trong đời sống chung đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên cũng thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Kiều Văn A và bà Nguyễn Thị B.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Kiều Văn H, sinh năm 1988 và Kiều Văn Công, sinh năm 1992. Các con đã trưởng A, ông A và bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông A, bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 321/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ông Kiều Văn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Kiều Văn A và bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Kiều Văn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) ông A đã nộp tạm ứng

án phí theo biên lai thu số 7561 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Kiều Văn A và bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2019).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Qnam
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- UBND xã Duy Hải.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Quốc**